

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ - ST

Ngày 24 tháng 4 năm 2024.

VỀ VIỆC: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lụa

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thứ

2. Bà Vi Thị Loan.

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Ngọc Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024. Về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2014/QĐXX ST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐ-HNGĐ ngày 09/4/2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh ngày 21/08 /1978 (tên gọi khác Hoàng Thị T, sinh tháng 4/1979). Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn TPh, xã DQ, huyện VB, tỉnh LC. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Vương Văn L, sinh năm 1981.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn TPh, xã DQ, huyện VB, tỉnh LC. Vắng mặt không có lý do.

Người làm chứng: + Ông La Văn Th, sinh năm 1954 .

+Chị Sầm Thị H, sinh năm 2001.

Đều có địa chỉ: Thôn 8 TPh, xã DQ, huyện VB, tỉnh LC. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của chị Hoàng Thị T (Hoàng Thị T) trình bày, có yêu cầu: Năm 2001, chị T (T) và anh L tự nguyện chung sống với nhau theo phong tục tập quán. Đến ngày 01/9/2003, chị và anh Vương Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dương Quỳ. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 08 năm đến tháng 5/2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi, đánh chị, chị đã cho anh L nhiều cơ hội nhưng anh L vẫn giữ nguyên phong cách sống dẫn đến thường xuyên điều qua T g lại. Mâu thuẫn giữa chị và anh L đã bị rạn nứt, không có cách nào hàn gắn tình cảm, gay gắt nhất vào tháng

6/2019, chị T (T) bỏ mặc anh L ở nhà còn chị bỏ về nhà chị gái ở và đã sống ly thân, không còn quan tâm tính đến nay khoảng 04 năm 11 tháng nên chị không có thai với anh L. Nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn cách nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không được Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị, chị tiếp tục sống ly thân, nhất định không đoàn tụ vợ chồng với anh L. Chị đề nghị được ly hôn với anh Vương Văn L.

Về con: Chị T (T) xác định, có 02 con chung là cháu Vương Văn Úy, sinh ngày 28/6/2002 và cháu Vương Thị M, sinh ngày 16/4/2007. Hiện tại cháu Úy đã trưởng thành, cháu M đang sống cùng chị. Nay chị đề nghị Tòa giao cháu M cho chị trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con cùng chị T (T) .

Về tài sản: Chị T (T) xác định, chị và anh Vương Văn L tự thỏa thuận. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về vay nợ: Chị T (T) xác định, chị và anh L không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho cơ quan, tổ chức, cá nhân vay nợ vợ chồng. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về phía bị đơn anh Vương Văn L: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã thông báo và phổ biến điều luật về các quyền, nghĩa vụ, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập (nếu có) cho bị đơn anh Vương Văn L. Tuy nhiên, anh L tự tước đi các quyền và nghĩa vụ, từ chối không nhận văn bản tố tụng của Tòa, không tham gia tố tụng, không ghi ý kiến trình bày quan điểm về mối quan hệ hôn nhân, nuôi con, tài sản đối với yêu cầu khởi kiện của chị T (T) để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh L. Anh L đã được biết chị T (T) đã khởi kiện về ly hôn và tự mình thực hiện nghĩa vụ nuôi con chung khi ly hôn với anh L .

Tại phiên Tòa: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T (Hoàng Thị T) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh Vương Văn L vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Bàn có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên hòa, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; bị đơn chưa chấp hành việc có mặt tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 228, Điều 229, Điều 238 và Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xử, chị Hoàng Thị T (Hoàng Thị T) được ly hôn với anh Vương Văn L.

+ Về con chung: Giao Vương Thị M, sinh ngày 16/4/2007 cho chị Hoàng Thị T (Hoàng Thị T) tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng

thành đủ 18 tuổi. Anh Vương Văn L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Hoàng Thị T (T) .

+ Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Hoàng Thị T (Hoàng Thị T) yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Xét thấy, bị đơn anh Vương Văn L cư trú tại thôn Tông Pháy, xã Dương Quỳnh, huyện Văn Bàn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Vương Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người làm chứng có giấy xác nhận do các đương sự cung cấp, vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T (Hoàng Thị T) xác định, ngày 01/9/2003 chị và anh Vương Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dương Quỳnh. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 08 năm, đến tháng 5/2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, đã cho anh L nhiều cơ hội nhưng anh L vẫn giữ nguyên phong cách sống, làm cho tình cảm vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng từ tháng 6/2019, chị T (T) đã bỏ mặc anh L ở nhà còn chị bỏ về nhà chị gái ở sống ly thân, không quan tâm, kinh tế của người nào người đó tự quản lý, sử dụng tính đến nay khoảng 04 năm 11 tháng, thiếu đi sự chăm lo, yêu thương, quý trọng của người chồng. Chị T (T) yêu cầu đề nghị được ly hôn với anh L mà không được chấp nhận yêu cầu thì chị tiếp tục sống ly thân với anh L như hiện nay. Xét thấy, chị T (T) thực sự không còn tình cảm vợ chồng với anh L, anh L biết không níu kéo được tình cảm với chị T (T) nên từ khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và một số văn bản tố tụng khác của Tòa án. Anh L không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, có thái độ bỏ mặc hôn nhân, không có thiện trí trong việc hướng đến mục đích đoàn tụ vợ chồng, không giao nộp tài liệu, chứng cứ về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con để chứng minh cho yêu cầu đoàn tụ vợ chồng của mình là có căn cứ. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T (T) và anh L mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T (Hoàng Thị T) đề nghị được ly hôn với anh Vương Văn L.

[3] Về nuôi con chung khi ly hôn: Mặc dù chị T (T) và anh L không thỏa thuận về việc giao con khi ly hôn. Tuy nhiên, nguyện vọng của cháu M và đề nghị

của chị T (T) giao cháu M cho chị T (T) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét thấy, thu nhập hàng tháng của chị T (T) khoảng 5.000.000đ có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con. Hiện cháu M đã và đang do chị T (T) chăm sóc, nuôi dưỡng trong suốt thời gian ly thân anh L không chu cấp gì cho cháu M. Chị T (T) không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu M cùng chị T (T) cho đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi. Do vậy để đảm bảo việc học tập và phát triển về thể chất lẫn tinh thần và tránh sự xáo trộn trong cuộc sống cho cháu M, cần chấp nhận đề nghị của chị T (T) giao cháu M cho chị T (T) tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp với qui định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với việc tự nguyện giao con, của đương sự khi ly thân.

[4] Về sản chung, vay nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T (Hoàng Thị T) phải chịu toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh Vương Văn L không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều; 229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử: Chị Hoàng Thị T (Hoàng Thị T) đợc ly hôn với anh Vương Văn L.

2.Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Vương Thị M, sinh ngày 16/4/2007 cho chị Hoàng Thị T (Hoàng Thị T) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Vương Văn L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Hoàng Thị T (T).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị T (Hoàng Thị T) phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai thu tiền số 0001407 ngày 03/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Anh Vương Văn L không phải chịu tiền án phí cấp dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận

- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01)
- UBND xã Dương Quý(01);
- Chi cục THADS(01);
- Các đương sự(02);
- L HS, Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đỗ Thị Lụa